

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 44/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương V. Địa chỉ trụ sở chính: phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị N - Giám đốc xử lý nợ khối quản trị rủi ro- Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương V.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Tạ Thị Hương T, cán bộ xử lý nợ của Ngân hàng.

* *Bị đơn*: - Bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1963; Địa chỉ: Cụm 3, xã L, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1962; Địa chỉ: Cụm 3, xã L, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Cụ Thái Thị H, sinh năm 1940; Địa chỉ: Cụm 3, xã L, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1984; Địa chỉ: Cụm 3, xã L, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Cụm 3, xã Liên T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Cụm 3, xã L, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

+ Cháu Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm 2006; Địa chỉ: Cụm 3, xã L, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

+ Cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 2008; Địa chỉ: Cụm 3, xã L, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

+ Cháu Nguyễn Đức Quang V, sinh năm 2011; Địa chỉ: Cụm 3, xã L, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương V và bà Hoàng Thị Q, ông Nguyễn Đức C thống nhất tổng số tiền bà Hoàng Thị Q, ông Nguyễn Đức C còn nợ Ngân hàng (tính đến ngày 08/5/2019) và bà Q, ông C phải thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương V số tiền là 6.119.512.105 đồng (*Sáu tỷ một trăm mười chín triệu năm trăm mười hai nghìn một trăm linh năm đồng*). Trong đó: Tiền nợ gốc: 2.906.250.000 đồng; Tiền nợ lãi trong hạn: 1.061.118.168 đồng; Tiền nợ lãi quá hạn: 2.152.143.937 đồng. Tổng số tiền nợ trên của hai hợp đồng sau:

+ *Đối với hợp đồng tín dụng số 39101/HĐTD/TH-TN/TCB-TLG-LHA ngày 30/11/2010*: Tổng số tiền còn nợ là: 4.877.682.069 đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc: 2.406.250.000 đồng; Tiền nợ lãi trong hạn: 1.061.118.168 đồng; Tiền nợ lãi quá hạn: 1.410.313.901 đồng (Tính đến ngày 08/5/2019).

+ *Đối với Hợp đồng cung cấp hạn mức ứng trước tài khoản cá nhân số 53442/HĐUT-F1/TCB-TLG-LHA ngày 29/11/2012*: Tổng số tiền còn nợ là: 1.241.830.036 đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc: 500.000.000 đồng; Tiền nợ lãi quá hạn: 741.830.036 đồng (Tính đến ngày 08/5/2019).

Kể từ ngày 09/5/2019 bà Hoàng Thị Q và ông Nguyễn Đức C tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất qui định tại hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 39101/HĐTD/TH-TN/TCB-TLG-LHA ký ngày 30/11/2010; khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số: 39101 ngày 30/11/2010 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương V và bà Hoàng Thị Q, ông Nguyễn Đức C và Hợp đồng cung cấp hạn mức ứng trước tài khoản cá nhân số 53442/HĐUT-F1/TCB-TLG-LHA ký ngày 29/11/2012 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương V và bà Hoàng Thị Q cho đến khi bà Q và ông C thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương V.

2.2. Trường hợp bà Hoàng Thị Q và ông Nguyễn Đức C không trả Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương V khoản nợ như đã thỏa thuận trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được Tòa án thẩm định ngày 05/6/2019 tại thửa đất số 218, tờ bản đồ số 03, diện tích 300,4 m² tại địa chỉ Thôn

H, xã L, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây (cũ), nay là Thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 569624, vào sổ cấp GCNQSDĐ số: H 00591 do UBND huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây (cũ), nay là thành phố Hà Nội cấp ngày 29/12/2006) cấp cho ông Nguyễn Đức C cùng vợ là bà Hoàng Thị Q, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 5873.2010/HĐTC-TCB ngày 26/11/2010 tại Văn phòng công chứng Thăng Long- Thành phố Hà Nội để thu hồi nợ.

Khi bà Hoàng Thị Q và ông Nguyễn Đức C trả hết các khoản nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam phải trả bà Hoàng Thị Q và ông Nguyễn Đức C các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp.

2.3. Về án phí: Bà Hoàng Thị Q và ông Nguyễn Đức C chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 57.059.756 đồng (*Năm mươi bảy triệu không trăm năm chín nghìn bảy trăm năm sáu đồng*). Xét đơn xin giảm án phí của bà Hoàng Thị Q và ông Nguyễn Đức C khó khăn về kinh tế, năm 2013 bị cháy xương mọc có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Đây là sự kiện bất khả kháng dẫn đến bà Hoàng Thị Q, ông Nguyễn Đức C không có đủ tài sản để nộp tiền án phí nên giảm cho bà Hoàng Thị Q và ông Nguyễn Đức C $\frac{1}{4}$ số tiền án phí là 14.264.756 đồng (*Mười bốn triệu hai trăm sáu tư nghìn bảy trăm năm sáu đồng*). Số tiền án phí bà Hoàng Thị Q và ông Nguyễn Đức C phải chịu là 42.795.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu bảy trăm chín lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương V số tiền là 42.000.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu đồng*) đã nộp tạm ứng án phí, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010428 ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Duy Hưng